

Số: 31/2026/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ; số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 02 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1378/BC-VHXXH ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
2. Trường hợp chương trình, đề án, dự án về đào tạo, bồi dưỡng có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo văn bản hướng dẫn của chương trình, đề án, dự án đó.

3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp xã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa.

2. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh

1. Mức chi tiền công giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng trong công tác bồi dưỡng công chức.

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng chi tiền công giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng trong nước; mức chi đã bao gồm tiền công soạn giáo án, bài giảng; 01 buổi giảng được tính bằng 04 tiết học, cụ thể như sau:

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy, Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, giáo sư, chuyên gia cao cấp: 4.000.000 đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phó giáo sư, Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng thuộc Bộ: 3.000.000 đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng; Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở; tiến sĩ, giảng viên chính, chuyên viên cao cấp: 2.500.000 đồng/người/buổi.

d) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị ở trung ương, cấp tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không thuộc các điểm a, b, c khoản này; thạc sĩ, giảng viên của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: 2.000.000 đồng/người/buổi.

đ) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị cấp xã và giảng viên, báo cáo viên khác không thuộc các điểm a, b, c, d khoản này: 1.000.000 đồng/người/buổi.

e) Trường hợp giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi tiền công cao nhất. Giảng viên, báo cáo viên có chức danh tương đương với nhóm đã được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản này được áp dụng mức chi tương ứng.

g) Trợ giảng (nếu có): Mức chi bằng 50% mức chi tiền công của giảng viên, báo cáo viên được trợ giảng trong cùng buổi giảng.

2. Mức chi khen thưởng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức

Căn cứ kết quả học tập của từng lớp, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ quan, đơn vị được giao tổ chức lớp quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi với mức 300.000 đồng/học viên; học viên đạt loại xuất sắc với mức 400.000 đồng/học viên.

3. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các đơn vị sự nghiệp công lập, căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng tại đơn vị sự nghiệp công lập, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Mức chi đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Các cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quyết định của cấp có thẩm quyền được áp dụng các mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các chương trình, đề án, dự án đó.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy

phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì cơ quan, đơn vị thực hiện thanh toán, quyết toán trong phạm vi dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 9 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2026./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong

